

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 93/2018/CV-JVC
(V/v: CBTT BCTC Quý I/2018 và
Giải trình biến động LNST)

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2018

Kính gửi:

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**
 - Mã chứng khoán: **JVC**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 22 và Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
 - Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thị Hà Thanh**
 - Địa chỉ: Tầng 22 và Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 043 683 0516
 - Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu : định kỳ
- Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật công bố Báo cáo tài chính Quý I năm 2018 như sau:

1. Báo cáo tài chính Quý I/2018 (giai đoạn 01/04/2018 – 30/06/2018) đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:

http://ytevietnhat.com.vn/bao-cai-tai-chinh_t370c37tn.aspx

2. Giải trình Báo cáo tài chính Quý I/2018 (giai đoạn 01/04/2018 – 30/06/2018) do Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế biến động hơn 10% so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể như sau:

a. Báo cáo tài chính riêng Quý I/2018 (giai đoạn 01/04/2018 – 30/06/2018):

- Doanh thu thuần Quý I/2018: 105.969.001.241 VND
- Doanh thu thuần Quý I/2017: 126.079.980.837 VND
- LNST Quý I/2018: 2.396.974.259 VND



- LNST Quý I/2017: 1.993.877.350 VND

Doanh thu thuần Quý I/2018 giảm 20,1 tỷ VND tương ứng với giảm 15,95% so với cùng kỳ năm trước.

Lãi sau thuế Quý I/2018 tăng 403 triệu VND tương ứng với tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.

Lý do: Doanh thu bán máy móc thiết bị lớn của Công ty trong Quý I/2018 giảm so với cùng kỳ năm trước. Các hoạt động kinh doanh khác đã ổn định và lãi sau thuế tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

b. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2018 (giai đoạn 01/04/2018 – 30/06/2018):

- Doanh thu thuần Quý I/2018: 107.989.713.615 VND

- Doanh thu thuần Quý I/2017: 128.101.300.070 VND

- LNST Quý I/2018: 566.184.497 VND

- LNST Quý I/2017: 1.929.987.016 VND

Doanh thu thuần Quý I/2018 giảm 20,1 tỷ VND tương ứng với giảm 15,70% so với cùng kỳ năm trước.

Lãi sau thuế Quý I/2018 giảm gần 1,4 tỷ VND tương ứng với giảm 71% so với cùng kỳ năm trước.

Lý do: Doanh thu bán máy móc thiết bị lớn trong quý này giảm so với cùng kỳ năm trước và Công ty điều chỉnh giảm bút toán hoàn nhập dự phòng cho khoản trả trước của Công ty con hơn 2 tỷ đồng dẫn đến lãi hợp nhất sau thuế kỳ này giảm so với cùng kỳ năm trước trong khi lãi sau thuế riêng quý này tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên.

- Lưu VP.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



LÊ THỊ HÀ THANH

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thông tin về công ty

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Số 0101178800

ngày 16 tháng 2 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 9 năm 2010 và được điều chỉnh lần thứ 15 vào ngày 16 tháng 2 năm 2017.

Hội đồng Quản trị:	Ông Phạm Quang Huy	Chủ tịch (từ ngày 11 tháng 10 năm 2016)
	Ông Nguyễn Thế Hường	Thành viên (từ ngày 14 tháng 6 năm 2016)
	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên (từ ngày 14 tháng 6 năm 2016)
	Bà Lê Thị Hà Thanh	Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2016)
	Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2016)
Ban Giám đốc:	Ông Ngô Thanh Sơn	Tổng giám đốc (từ ngày 16 tháng 8 năm 2016)
	Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh (từ ngày 16 tháng 8 năm 2016)
	Bà Phạm Thị Huyền Khanh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 05 tháng 4 năm 2018)
	Bà Vương Vân Anh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 05 tháng 4 năm 2018)
Ban Kiểm soát:	Ông Đào Mạnh Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 30 tháng 09 năm 2016)
	Ông Ngô Văn Hùng	Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2016)
	Bà Đặng Thị Hà Giang	Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2016)
Trụ sở đăng ký:	Tầng 22 và tầng 24, tòa nhà Icon4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 03 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thông tin về công ty

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



Ngô Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

Hà nội, ngày 27 tháng 07 năm 2018

01
C
C
HI
T
V

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			30/6/2018	31/3/2018
			VND	VND
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn	100		217,149,134,535	228,790,843,984
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	34,129,249,958	37,293,984,787
Tiền	111		17,129,249,958	16,293,984,787
Các khoản tương đương tiền	112		17,000,000,000	21,000,000,000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139,197,612,143	121,771,303,274
Phải thu khách hàng	131	7	406,811,413,395	401,848,204,160
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	336,231,616,753	332,647,789,443
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		999,242,500	999,242,500
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	518,295,786,208	509,935,675,715
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	10	(1,123,140,446,713)	(1,123,659,608,544)
Hàng tồn kho (140=141+149)	140	11	41,458,010,750	66,692,152,694
Hàng tồn kho	141		79,865,311,441	105,099,453,385
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(38,407,300,691)	(38,407,300,691)
Tài sản ngắn hạn khác	150	12	2,364,261,684	3,033,403,229
Trả trước ngắn hạn	151		2,256,215,274	2,745,429,219
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	125,012,192
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	108,046,410	162,961,818
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220+230)	200		387,419,545,007	406,031,909,080
Các khoản phải thu dài hạn	210		7,487,195,442	7,511,922,004
Phải thu dài hạn khác	216	9	7,487,195,442	7,511,922,004
Tài sản Cố định (220=221+224+227)	220		358,127,541,606	373,979,182,071
TSCĐ Hữu hình (221=222+223)	221	13	305,827,052,561	319,914,164,534
Nguyên Giá	222		667,966,082,048	667,767,443,688
Khấu hao	223		(362,139,029,487)	(347,853,279,154)
TSCĐ thuê TC (224=225+226)	224	14	52,032,843,813	53,769,772,443
Nguyên Giá	225		76,611,929,888	76,611,929,888
Khấu hao	226		(24,579,086,075)	(22,842,157,445)
TSCĐ Vô hình	227	15	267,645,232	295,245,094
Nguyên Giá	228		415,000,480	415,000,480
Khấu hao	229		(147,355,248)	(119,755,386)
Tài sản dở dang dài hạn (240=241+242)	240		2,553,884,000	2,553,884,000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	2,553,884,000	2,553,884,000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	-	-
Đầu tư vào công ty con	251		72,853,000,000	72,853,000,000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		750,000,000	750,000,000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		110,750,000,000	110,750,000,000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(184,353,000,000)	(184,353,000,000)
Tài sản dài hạn khác	260		19,250,923,959	21,986,921,005
Trả trước dài hạn	261		19,250,923,959	21,986,921,005
Tổng tài sản (270=100+200)	270		604,568,679,542	634,822,753,064
NGUỒN VỐN				
C. Nợ Phải Trả (300=310+330)	300		104,020,313,879	136,671,361,660
Nợ ngắn hạn	310		71,168,889,426	101,178,712,944
Phải trả người bán - ngắn hạn	311	18	35,336,966,040	67,805,918,883

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			30/6/2018	31/3/2018
			VND	VND
Khách hàng trả tiền trước ngắn hạn	312		5,260,307,980	5,039,359,460
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1,426,406,512	536,712,726
Phải trả người lao động	314		20,969,503	171,757,699
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	14,390,624,068	13,027,938,234
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1,721,133,355	1,584,543,974
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	13,012,481,968	13,012,481,968
Nợ dài hạn (330=331+332+...+342+343)	330		32,851,424,453	35,492,648,716
Phải trả dài hạn khác	337	20	28,222,532,974	27,610,636,745
Vay và nợ thuê TC Dài hạn	338	22	4,628,891,479	7,882,011,971
Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400	23	500,548,365,663	498,151,391,404
Vốn chủ sở hữu	410		500,548,365,663	498,151,391,404
Vốn góp của chủ	411		1,125,001,710,000	1,125,001,710,000
Thặng dư vốn	412		402,288,328,850	402,288,328,850
Quỹ đầu tư phát triển	418		19,211,235,252	19,211,235,252
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1,045,952,908,439)	(1,048,349,882,698)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ</i>	<i>421a</i>		<i>(1,048,349,882,698)</i>	<i>(1,063,638,131,326)</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>2,396,974,259</i>	<i>15,288,248,628</i>
Tổng cộng nguồn vốn (440= 300 + 400)	440		604,568,679,542	634,822,753,064

Ngày 27 tháng 07 năm 2018

Người lập

Người duyệt





Đào Thị Hoa
Kế toán

Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng

Ngô Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018	Từ ngày 01 tháng 04 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
			VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu	01	24	106,097,041,461	127,302,708,110	106,097,041,461	127,302,708,110
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	128,040,220	1,222,727,273	128,040,220	1,222,727,273
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	105,969,001,241	126,079,980,837	105,969,001,241	126,079,980,837
Giá vốn hàng bán	11	25	89,780,361,312	97,229,981,817	89,780,361,312	97,229,981,817
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		16,188,639,929	28,849,999,020	16,188,639,929	28,849,999,020
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	342,817,887	55,235,612	342,817,887	55,235,612
Chi phí tài chính	22	27	527,141,586	842,929,721	527,141,586	842,929,721
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		486,641,017	842,929,721	486,641,017	842,929,721
Chi phí bán hàng	25	30	11,918,507,448	20,801,971,168	11,918,507,448	20,801,971,168
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	5,424,959,334	7,208,915,902	5,424,959,334	7,208,915,902
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24+25)}	30		(1,339,150,552)	51,417,841	(1,339,150,552)	51,417,841
Thu nhập khác	31	28	4,231,310,777	2,286,713,810	4,231,310,777	2,286,713,810
Chi phí khác	32	29	495,185,966	344,254,301	495,185,966	344,254,301
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3,736,124,811	1,942,459,509	3,736,124,811	1,942,459,509
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2,396,974,259	1,993,877,350	2,396,974,259	1,993,877,350
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2,396,974,259	1,993,877,350	2,396,974,259	1,993,877,350
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		21	18	21	18

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 02 - DN

*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

Giải trình chênh lệch trên 10%:

Doanh thu Quý 1/2018 giảm 20,1 tỷ VND tương ứng với giảm 15,95% so với cùng kỳ năm trước. Lãi sau thuế Quý 1/2018 tăng 403 triệu VND tương ứng với tăng 20% so với lãi sau thuế cùng kỳ năm trước. Lý do chủ yếu là do doanh thu bán máy móc thiết bị lớn của Công ty trong Quý 1/18 giảm so với cùng kỳ năm trước.

Ngày 27 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu



Đào Thị Hoa

Kế toán trưởng



Lê Thị Hà Thanh



Ngô Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày	Giai đoạn từ ngày
			01/04/2018 đến 30/06/2018 VND	01/04/2017 đến 31/03/2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01		2,396,974,259	15,288,248,628
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		16,050,278,825	63,058,976,329
- Các khoản dự phòng	03		(519,161,831)	(2,086,364,907)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(129,345,696)	773,491,605
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(172,971,622)	286,599,201
- Chi phí lãi vay	06		486,641,017	3,049,429,388
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động (08=01+02+03+04+05+06+07)	08		18,112,414,952	80,370,380,244
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16,690,052,964)	23,912,739,015
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		25,234,141,944	13,806,995,276
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(29,245,211,289)	(53,244,852,236)
- Tăng, giảm Chi phí trả trước	12		3,225,210,991	(9,639,460,973)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(510,011,321)	(3,148,667,987)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5,000,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (20=08+09+10+...+16+17)	20		121,492,313	52,057,133,339
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(198,638,360)	(26,884,788,408)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	292,800,501
3. Tiền thu lãi cho vay, cô tức và lợi nhuận được chia	27		165,531,710	432,175,033
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (30=21+22+...+26+27)	30		(33,106,650)	(26,159,812,874)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	29,838,092,950
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(250,000,000)	(32,652,492,950)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3,003,120,492)	(12,012,481,968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (40=31+32+33+34+35+36)	40		(3,253,120,492)	(14,826,881,968)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày	Giai đoạn từ ngày
			01/04/2018 đến 30/06/2018 VND	01/04/2017 đến 31/03/2018 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(3,164,734,829)	11,070,438,497
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	37,293,984,787	26,223,546,290
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	34,129,249,958	37,293,984,787

Ngày 27 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đào Thị Hoa

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lê Thị Hà Thanh

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngô Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1 Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Ngành nghề và hoạt động kinh doanh

- * Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, thiết bị điện, vật liệu điện;
- * Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- * Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- * Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- * Cho thuê máy móc, thiết bị y tế; và
- * Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty có Trụ sở chính tại Hà Nội, một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, một công ty con và một công ty liên kết .

Tên công ty	Hoạt động chính	Lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế	100%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì	25%

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là JVC.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 Công ty có 175 nhân viên (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 181 nhân viên)

2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3 Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

4 Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

© Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí.

Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

* Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 10 năm
* Máy móc và thiết bị	6 – 12 năm
* Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
* Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán.

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị của các máy móc thiết bị chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị y tế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện.

Thu nhập từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trong biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và các bệnh viện.

Thu nhập được chia từ các hợp đồng liên kết này được ghi nhận trên cơ sở thuần (được tính bằng tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận trước thuế của hoạt động liên kết mà Công ty được hưởng) thay vì được ghi nhận riêng biệt vào từng dòng doanh thu và chi phí theo như hướng dẫn hạch toán của Thông tư 200 đối với các hợp đồng hợp tác kinh doanh đồng kiểm soát. Tuy nhiên, Công ty đánh giá việc ghi nhận thu nhập thuần này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính và không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ thuần của Công ty.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này

® Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Một bên được coi là liên quan đến đơn vị lập báo cáo nếu:

- (i) Trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian mà bên hoặc các bên đó: kiểm soát, hoặc bị kiểm soát, hoặc dưới quyền kiểm soát chung với đơn vị lập báo cáo (gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn); có lợi ích ở đơn vị lập báo cáo cho phép có ảnh hưởng đáng kể tới đơn vị lập báo cáo; hoặc có quyền đồng kiểm soát đối với đơn vị lập báo cáo;
- (ii) Bên đó là công ty liên kết (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 7, Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết) của đơn vị lập báo cáo;
- (iii) Bên đó là một liên doanh (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 8, Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh) trong đó đơn vị lập báo cáo là bên góp vốn liên doanh;
- (iv) Bên đó là một thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của đơn vị lập báo cáo;

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

- (v) Bên đó là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã được nêu ở đoạn (i) hay (iv); hoặc
- (vi) Bên đó là một đơn vị bị kiểm soát, bị đồng kiểm soát hay bị ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc một phần đáng kể quyền biểu quyết đối với đơn vị đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, thuộc quyền của bất kỳ các cá nhân nào đã được nêu ở đoạn (iv) hoặc (v).

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2018	31/3/2018
	VND	VND
Tiền mặt	4,244,204,000	3,713,079,000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12,885,045,958	12,580,905,787
Các khoản tương đương tiền (i)	17,000,000,000	21,000,000,000
Cộng	34,129,249,958	37,293,984,787

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

30/6/2018

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
				VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:						
Đầu tư vào công ty con				73,603,000,000	(73,603,000,000)	
· Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Hà Nội	100%	100%	72,853,000,000	(72,853,000,000)	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết						
· Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25%	25%	750,000,000	(750,000,000)	(*)
Đầu tư vào dự án liên kết Thiết bị y tế				110,750,000,000		
· Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Triết Tôn Tiên				110,750,000,000	(110,750,000,000)	(*)
				184,353,000,000	(184,353,000,000)	(*)

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các đầu tư tài chính.

31/3/2018

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
				VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:				73,603,000,000	(73,603,000,000)	
Đầu tư vào công ty con						
· Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Hà Nội	100%	100%	72,853,000,000	(72,853,000,000)	
Đầu tư vào công ty liên kết						
· Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25%	25%	750,000,000	(750,000,000)	
Đầu tư vào dự án liên kết Thiết bị y tế				110,750,000,000	(110,750,000,000)	
· Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Triết Tôn Tiên				110,750,000,000	(110,750,000,000)	
				184,353,000,000	(184,353,000,000)	

11/07/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

7 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2018	31/3/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư A1	88,842,829,825	88,842,829,825
Công ty TNHH Thương mại Hường Đông	58,647,065,137	58,647,065,137
Các khách hàng khác	259,321,518,433	254,358,309,198
Cộng	406,811,413,395	401,848,204,160

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh số 32)

-

Số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 bao gồm khoảng 260 tỷ đồng (số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 03 năm 2016) là khoản phải thu của các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu này.

8 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2018	31/3/2018
	VND	VND
JWB Co., Ltd.	190,230,906,514	190,230,906,514
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	41,843,256,592	41,753,256,592
Nishimura Medical Instrument	29,872,783,121	29,872,783,121
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	24,725,000,000	24,725,000,000
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21,080,000,000	21,080,000,000
Gold Lite PTE Ltd.,	14,851,200,000	14,851,200,000
Các công ty khác	13,628,470,526	10,134,643,216
Cộng	336,231,616,753	332,647,789,443

Trong đó: Trả trước cho người bán là bên liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh số 32)

	39,663,256,592	41,753,256,592
--	-----------------------	-----------------------

9 PHẢI THU KHÁC

	30/6/2018	31/3/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn	518,295,786,208	509,935,675,715
Tiền ứng trước, tiền bảo lãnh và thanh toán hộ (i)	403,295,265,000	403,295,265,000
Phải thu từ cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	2,261,219,600	2,261,219,600
Phải thu từ nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	3,477,746,986	3,477,746,986
Tạm ứng cho nhân viên	99,992,993,494	96,958,842,698
Ký quỹ ngắn hạn	7,295,982,513	2,057,595,618
Vốn liên kết với các viện	1,033,593,750	1,033,593,750
Phải thu khác	938,984,865	851,412,063
b. Dài hạn	7,487,195,442	7,511,922,004
Ký quỹ dài hạn	4,357,967,136	4,350,467,136
Vốn liên kết với các bệnh viện	3,129,228,306	3,161,454,868
Cộng	525,782,981,650	517,447,597,719

(i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước, bảo lãnh, thanh toán hộ bên liên quan đến BGD tiền nhiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

10 NỢ XẤU

	30/6/2018			31/3/2018		
	VND	VND		VND	VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	406,811,413,395	106,763,683,499		308,440,843,511	9,963,951,784	
Công ty Cổ phần Đầu tư A1	88,842,829,825	-	Không xác định	88,842,829,825	-	Không xác định
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	58,647,065,137	-	Không xác định	58,647,065,137	-	Không xác định
Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật HB	33,792,574,163	-	Không xác định	33,792,574,163	-	Không xác định
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	17,538,520,392	-	Không xác định	17,538,520,392	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10,797,500,000	-	Không xác định	10,797,500,000	-	Không xác định
Khác	197,192,923,878	106,763,683,499	Từ 3 tháng-1 năm	98,822,353,994	9,963,951,784	Từ 3 tháng-1 năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	336,231,616,753	12,514,047,369		325,807,569,384	-	
JWB Co.. Ltd.	190,230,906,514	-	Không xác định	190,230,906,514	-	Không xác định
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	41,753,256,592	-	Không xác định	41,753,256,592	-	Không xác định
Nishimura Medical Instrument	29,872,783,121	-	Không xác định	29,872,783,121	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	24,725,000,000	-	Không xác định	24,725,000,000	-	Không xác định
RC Medical Co.. Ltd.	21,080,000,000	-	Không xác định	21,080,000,000	-	Không xác định
Gold Lite PTE. Ltd	14,851,200,000	-	Không xác định	14,851,200,000	-	Không xác định
Các đối tượng khác	13,718,470,526	12,514,047,369		3,294,423,157		
Phải thu ngắn hạn khác	518,295,786,208	19,620,108,525		500,973,679,368	2,298,001,685	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	315,360,806,472	-	Không xác định	315,360,806,472		Không xác định
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	87,934,458,528	-	Không xác định	87,934,458,528		Không xác định
Tạm ứng cho nhân viên hoặc nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm	91,313,131,985	33,950,724	Không xác định	91,315,428,346	36,347,085	Không xác định
Phải thu liên quan đến chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	5,738,966,586	2,261,219,600	Không xác định	5,738,966,586	2,261,219,600	Không xác định
Các đối tượng khác	17,948,422,637	17,324,938,201	Không xác định	624,019,436	435,000	Không xác định
Phải thu về cho vay ngắn hạn	999,242,500	299,772,750		999,242,500	299,772,750	
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	999,242,500	299,772,750	từ 1 năm đến 2 năm	999,242,500	299,772,750	từ 1 năm đến 2 năm
Cộng	1,262,338,058,856	139,197,612,143		1,136,221,334,763	12,561,726,219	

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

11 HÀNG TỒN KHO

	30/6/2018		31/3/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	5,100,324,992	-
Hàng hóa	72,064,754,796	(38,407,300,691)	93,026,970,651	(38,407,300,691)
Hàng gửi đi bán	7,800,556,645		6,972,157,742	-
Cộng	79,865,311,441	(38,407,300,691)	105,099,453,385	(38,407,300,691)

Hàng tồn kho được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngày 01 tháng 04 năm 2018: 0 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 0 VND)

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2018	31/3/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn	2,256,215,274	2,745,429,219
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1,881,467,778	2,398,248,334
- Các khoản khác	374,747,496	347,180,885
b. Dài hạn	19,250,923,959	21,986,921,005
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1,313,894,215	2,636,320,851
- Chi phí sửa chữa bảo hành thiết bị, làm phòng để tài sản liên kết, đặt máy.	11,601,429,331	14,661,689,154
- Các khoản khác	6,335,600,413	4,688,911,000
Cộng	21,507,139,233	24,732,350,224

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)***13 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	643,296,748,046	24,170,274,285	300,421,357	667,767,443,688
Mua sắm	198,638,360	-	-	198,638,360
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	-	-
Giảm khác: Tặng theo hợp đồng liên kết	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	643,495,386,406	24,170,274,285	300,421,357	667,966,082,048
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	334,321,857,886	13,450,741,743	80,679,525	347,853,279,154
Khấu hao trong kỳ	13,829,346,590	436,943,889	19,459,854	14,285,750,333
Tăng do chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	-	-
Giảm khác: Tặng theo hợp đồng liên kết	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	348,151,204,476	13,887,685,632	100,139,379	362,139,029,487
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	308,974,890,160	10,719,532,542	219,741,832	319,914,164,534
Số dư cuối kỳ	295,344,181,930	10,282,588,653	200,281,978	305,827,052,561

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, một số tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là: 46,2 tỷ VND được sử dụng thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (ngày 31 tháng 3 năm 2018: 50,5 tỷ VND)



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm
 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

14 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	76,611,929,888
Số dư cuối kỳ	<u>76,611,929,888</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	22,842,157,445
Khấu hao trong kỳ	1,736,928,630
Số dư cuối kỳ	<u>24,579,086,075</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	53,769,772,443
Số dư cuối kỳ	<u>52,032,843,813</u>

15 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	415,000,480
Mua sắm	-
Số dư cuối kỳ	<u>415,000,480</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	119,755,386
Khấu hao trong kỳ	27,599,862
Số dư cuối kỳ	<u>147,355,248</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	295,245,094
Số dư cuối kỳ	<u>267,645,232</u>

16 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/6/2018 VND	31/3/2018 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2,553,884,000	2,553,884,000
Cộng	2,553,884,000	2,553,884,000

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
		VND	VND
Các khoản phải trả			
Thuế giá trị gia tăng		638,432,698	(59,915,408)
Thuế xuất, nhập khẩu		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		(108,046,410)	(103,046,410)
Thuế thu nhập cá nhân		787,973,814	536,712,726
Thuế khác		-	-
Cộng		1,318,360,102	373,750,908

Trong đó:

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

108,046,410

162,961,818

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

1,426,406,512

536,712,726

18 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2018		31/3/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Hitachi Medical Instrument Co., Ltd.	7,579,455,538	7,579,455,538	19,894,819,894	19,894,819,894
- Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	24,536,187,205	24,536,187,205	32,185,758,591	32,185,758,591
- Phải trả cho các đối tượng khác	3,221,323,297	3,221,323,297	15,725,340,398	15,725,340,398
Cộng	35,336,966,040	35,336,966,040	67,805,918,883	67,805,918,883

19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2018	31/3/2018
	VND	VND
- Trích trước chi phí tư vấn chuyên môn	8,911,974,916	7,109,228,713
- Trích trước hoa hồng kinh doanh	1,825,635,833	3,076,591,592
- Trích trước lợi nhuận cổ đông góp vốn liên kết	2,796,703,729	1,707,903,047
- Trích trước chi phí bảo trì, sửa chữa	588,129,090	512,914,077
- Trích trước chi phí lãi vay	120,338,396	143,708,700
- Các khoản trích trước khác	147,842,104	477,592,105
Cộng	14,390,624,068	13,027,938,234

Công ty ước tính chi phí tư vấn chuyên môn, hoa hồng kinh doanh và các chi phí ước tính khác trên cơ sở thỏa thuận đã ký với các đối tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

20 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2018	31/3/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1,721,133,355	1,584,543,974
- Kinh phí công đoàn;	575,028,897	515,600,497
- Bảo hiểm xã hội	254,751,715	276,159,515
- Bảo hiểm y tế	48,377,935	52,078,135
- Bảo hiểm thất nghiệp	21,351,970	22,983,170
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	821,622,838	717,722,657
b. Dài hạn	28,222,532,974	27,610,636,745
- Phải trả khác liên quan tới vốn liên kết đã nhận (i)	28,222,532,974	27,610,636,745
Cộng	29,943,666,329	29,195,180,719

(i) Phản ánh tiền nhận vốn góp của các cá nhân tham gia dự án liên kết thiết bị y tế tại các Bệnh viện.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đầu kỳ	Trong kỳ		Cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam-Tây Hà Nội (BIDV)	-			-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	1,000,000,000	250,000,000	250,000,000	1,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1,000,000,000	250,000,000	250,000,000	1,000,000,000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	12,012,481,968	3,003,120,492	3,003,120,492	12,012,481,968
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	4,882,048,596	1,220,512,149	1,220,512,149	4,882,048,596
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Vietcombank	7,130,433,372	1,782,608,343	1,782,608,343	7,130,433,372
Hoàn trả trong vòng 12 tháng				
Cộng	13,012,481,968	3,253,120,492	3,253,120,492	13,012,481,968

22 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/3/2018	Trong kỳ		30/6/2018
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay dài hạn	1,500,000,000	250,000,000	500,000,000	1,250,000,000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1,500,000,000	250,000,000	500,000,000	1,250,000,000
Nợ thuê tài chính dài hạn	19,394,493,939	3,003,120,492	6,006,240,984	16,391,373,447
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	6,916,235,517	1,220,512,149	2,441,024,298	5,695,723,368
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Vietcombank	12,478,258,422	1,782,608,343	3,565,216,686	10,695,650,079
Cộng	20,894,493,939	3,253,120,492	6,506,240,984	17,641,373,447
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	13,012,481,968			13,012,481,968
- Số phải trả sau 12 tháng	7,882,011,971			4,628,891,479

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

23 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	1,125,001,710,000	402,288,328,850	19,211,235,252	(1,063,638,131,326)	482,863,142,776
Lợi nhuận/lỗ thuần trong kỳ				15,288,248,628	15,288,248,628
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	1,125,001,710,000	402,288,328,850	19,211,235,252	(1,048,349,882,698)	498,151,391,404
Số dư đầu kỳ này	1,125,001,710,000	402,288,328,850	19,211,235,252	(1,048,349,882,698)	498,151,391,404
Lợi nhuận/lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	2,396,974,259	2,396,974,259
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	1,125,001,710,000	402,288,328,850	19,211,235,252	(1,045,952,908,439)	500,548,365,663

Cổ phiếu

-Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+Cổ phiếu phổ thông

-Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+Cổ phiếu phổ thông

Số cuối kỳ

Số đầu kỳ

112,500,171

112,500,171

112,500,171

112,500,171

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 15, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 1.125.001.710 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

24 DOANH THU

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, trong đó:

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	70,642,468,970	85,658,050,340
Doanh thu được chia từ các dự án liên kết	32,664,183,888	31,913,382,194
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,790,388,603	9,731,275,576
Cộng	106,097,041,461	127,302,708,110

Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại	128,040,220	1,222,727,273
Cộng	128,040,220	1,222,727,273

Doanh thu thuần

105,969,001,241**126,079,980,837****25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	56,623,133,580	68,311,110,754
Giá vốn liên quan đến dự án liên kết thiết bị y tế	29,484,617,505	25,028,980,969
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3,672,610,227	3,889,890,094
Cộng	89,780,361,312	97,229,981,817

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	172,971,622	55,235,612
Lãi chênh lệch tỷ giá	169,846,265	
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	342,817,887	55,235,612

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017
	VND	VND

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Chi phí lãi vay	486,641,017	842,929,721
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40,500,569	-
Cộng	527,141,586	842,929,721

28 THU NHẬP KHÁC

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017
	VND	VND
Chi phí Hỗ trợ, biếu tặng từ nhà cung cấp	4,201,132,688	2,216,335,427
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-
Các khoản khác	30,178,089	70,378,383
Cộng	4,231,310,777	2,286,713,810

29 CHI PHÍ KHÁC

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017
	VND	VND
Lỗi do thanh lý tài sản cố định	-	-
Chi phí khác	495,185,966	344,254,301
Cộng	495,185,966	344,254,301

30 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	5,424,959,334	7,208,915,902
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	519,161,831	1,531,554,895
- Chi phí tiền lương	2,708,422,314	2,964,074,540
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2,197,375,189	2,713,286,467
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	11,918,507,448	20,801,971,168
- Chi phí tiền lương	4,488,129,226	10,620,663,021
- Các khoản chi phí bán hàng khác	7,430,378,222	10,181,308,147

31 Thuế thu nhập

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

32 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan

Công ty TNHH Kyoto Medical Science

Công ty cổ phần thiết bị y tế Việt Tín

Mối quan hệ

Công ty con

Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017
	VND	VND
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	7,142,857	
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	81,818,182	-
		-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/6/2018	31/3/2018
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	-	-
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	-	-
Các khoản trả trước cho người bán	39,663,256,592	41,753,256,592
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	39,663,256,592	41,753,256,592

Thu nhập của BGD được hưởng trong kỳ như sau:

Kỳ này

Kỳ trước

VND

VND

Thu nhập của Ban Giám đốc

527,590,000

1,110,000,000

Ngày 27 tháng 07 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng



Đào Thị Hoa

Lê Thị Hà Thanh

Ngày 27 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám đốc





Ngô Thanh Sơn